

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Cung cấp trang phục y tế cho cán bộ, công nhân viên tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương
- Tên gói thầu: Gói thầu 01: Cung cấp trang phục y tế cho cán bộ, công nhân viên tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Phụ sản Trung ương - Số 1 Triệu Quốc Đạt, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội.
- Quy mô của dự toán mua sắm: Cung cấp trang phục y tế cho cán bộ, công nhân viên tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương (Chi tiết số lượng tại Phạm vi cung cấp)
- Yêu cầu về cung cấp hàng hóa: Cung cấp hàng hóa có thông số kỹ thuật đáp ứng quy định tại Mục 1.2 Chương V của E-HSMT.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung

- Các mẫu trang phục nhân viên y tế sử dụng trong bệnh viện được may theo đúng quy cách và tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định tại Bảng yêu cầu kỹ thuật chi tiết.
- Cung cấp đầy đủ Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hoá sản xuất trong nước; Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) của nhà sản xuất đối với hàng hóa khi bàn giao hàng hóa.
- Vận chuyển: Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng. Nhà thầu phải vận chuyển, bàn giao hàng hóa đến địa điểm yêu cầu của Chủ đầu tư. Nhà thầu tự chịu toàn bộ chi phí và rủi ro có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển hàng hoá, bao gồm cả quá trình kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa.
- Bảo quản: Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng, không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.
- Yêu cầu đóng gói sản phẩm: Nhà thầu phải đóng gói theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Lưu ý: Nhà thầu có thể tham khảo các mẫu tại Bệnh viện. Trường hợp nhà

thầu tham khảo các mẫu tại Bệnh viện, nhà thầu liên hệ: Bà Trần Thị Lan Anh - Số điện thoại: 0964 884 294. Nhân viên phòng Hành chính quản trị, P201, tầng 2 nhà E, Bệnh viện Phụ sản Trung ương.

a. Yêu cầu ngoại quan

Theo quy cách quy định tại Bảng yêu cầu kỹ thuật chi tiết.

b. Yêu cầu về nguyên liệu:

- Chất liệu vải theo quy định về Bảng yêu cầu kỹ thuật chi tiết
- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính; Đường kính 1,6-1,8cm.
- Chỉ may cùng màu với nguyên liệu chính. Chất liệu polyester 40/2 bền, chắc.

1.2.2. Yêu cầu chi tiết

Hàng hóa nhà thầu đề xuất phải tuân thủ thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn tối thiểu sau đây:

a. Kích thước cơ bản

Theo quy cách quy định tại Bảng yêu cầu kỹ thuật chi tiết

b. Yêu cầu về cắt

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo ngang canh thẳng sợi;

c. Yêu cầu về các đường may

- Các mũi chỉ đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sênh tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo mật độ từ 5 đến 6 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chòng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, đường may không sùi chỉ, dẫn dùm;

d. Yêu cầu về thừa khuyết, đính cúc

- Khuyết thừa phải đều, sát chỉ không nhăn dùm, tuột chân, mật độ 14 mũi/1 cm chắc chắn không sổ tuột;
- Khuyết đặt bên phải nẹp áo. Khuyết được thừa dọc nẹp, khuyết rộng 1,6 cm;
- Vị trí cúc đính đối xứng với khuyết thừa, tối thiểu có 12 chỉ qua 2 lỗ nút chắc chắn, không sổ tuột, không làm nhăn mặt vải, cắt sạch các đầu chỉ thừa.

e. Yêu cầu ghi nhãn

- + Nhãn dệt đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất, nhãn dệt được gắn vào lót cạp thân sau bên trái;

+ Nhãn cỡ số được in trên màng sợi Polyeste tráng bột giấy, nhãn cỡ số được gắn vào giữa cạnh phía dưới của nhãn dệt, mặt số lên trên.

f. Yêu cầu về logo

Logo được in theo đúng kích thước từng loại sản phẩm quy định tại Phụ lục và theo đúng thông số kỹ thuật.

- Biểu trưng (logo)




- Thông số chữ:


+ Chữ “BỘ Y TẾ”: Kiểu chữ: phông .VnCentury SchoolbookH


+ Chữ “BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TRUNG ƯƠNG”: Kiểu chữ: phông .VnBlackH

+ Chữ “NHOG”: Kiểu chữ: phông .VnBlack

- Thông số màu:

 Màu xanh lam hệ màu CMYK 99 86 0 0 hệ màu RGB 0 45 204 Hex #002DCC

 Màu đỏ hệ màu CMYK 2 100 100 0 hệ màu RGB 243 18 33 Hex #EA1221

 Màu trắng hệ màu CMYK 0 0 0 0 hệ màu RGB 254 254 254 Hex #FEFEFE

- Thông số logo trên sản phẩm:

+ Logo tròn, đường kính 3,5cm

+ Vị trí:

++ Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi.

++ Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái.

g. Bảng yêu cầu kỹ thuật chi tiết

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Áo blouse cho Bác sĩ, dược sĩ	I. Quy cách may: - May theo số đo từng người. - In logo của Bệnh viện: + Logo tròn, đường kính 3,5cm + Vị trí:

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> ▪Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi. ▪Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái. - May theo Điều 4, Điều 7 thông tư 45/2015/TT-BYT: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biên tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. 5 cúc cài giữa. <p>II. Yêu cầu kỹ thuật:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu: Kaki chun 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Tiêu chuẩn vải: <ul style="list-style-type: none"> + Thành phần: Polyeste: (81±1)% Visco: (15±1)% Spandex: (4±1)% + Khối lượng (g/m²): 245±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 486±4 Ngang: 376±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 33±4 Ngang: 66±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: 0±0,1 Ngang: 0±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện
2	Quần blouse cho Bác sĩ, dược sĩ	<p>I. Quy cách may:</p> <ul style="list-style-type: none"> - May theo số đo từng người. - May theo Điều 4, Điều 7 thông tư 45/2015/TT-BYT: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. <p>II. Yêu cầu kỹ thuật:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu: Kaki chun 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Tiêu chuẩn vải:

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		+ Thành phần: Polyeste: (81±1)% Visco: (15±1)% Spandex: (4±1)% + Khối lượng (g/m ²): 245±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 486±4 Ngang: 376±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 33±4 Ngang: 66±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: 0±0,1 Ngang: 0±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện
3	Bộ blouse cho Điều dưỡng, hộ sinh	I. Quy cách may: - May theo số đo từng người. - In logo của Bệnh viện: + Logo tròn, đường kính 3,5cm + Vị trí: ▪ Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi. ▪ Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái. - May theo Điều 5 thông tư 45/2015/TT-BYT: + Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; + Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. + Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - 01 bộ bao gồm: Áo, quần. II. Yêu cầu kỹ thuật: 1. Chất liệu: Kaki chun 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Tiêu chuẩn vải:

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		+ Thành phần: Polyeste: (81±1)% Visco: (15±1)% Spandex: (4±1)% + Khối lượng (g/m ²): 245±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 486±4 Ngang: 376±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 33±4 Ngang: 66±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: 0±0,1 Ngang: 0±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện
4	Bộ blouse cho Kỹ thuật viên y	I. Quy cách may: - May theo số đo từng người. - In logo của Bệnh viện: + Logo tròn, đường kính 3,5cm + Vị trí: ▪ Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi. ▪ Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái. - May theo Điều 5 thông tư 45/2015/TT-BYT: + Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; + Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. + Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - 01 bộ bao gồm: Áo, quần. II. Yêu cầu kỹ thuật: 1. Chất liệu: Kaki chun 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Tiêu chuẩn vải:

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		+ Thành phần: Polyeste: (81±1)% Visco: (15±1)% Spandex: (4±1)% + Khối lượng (g/m ²): 245±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 486±4 Ngang: 376±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 33±4 Ngang: 66±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: 0±0,1 Ngang: 0±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện
5	Áo sơ mi cho Khối hành chính	I. Quy cách may: - May theo số đo từng người, - In logo của Bệnh viện: + Logo tròn, đường kính 3,5cm + Vị trí: ▪ Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi. ▪ Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái. - May theo Điều 11 thông tư 45/2015/TT-BYT: Áo sơ mi cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. II. Yêu cầu kỹ thuật: 1. Chất liệu: Vải Bamboo 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Tiêu chuẩn vải: + Thành phần Polyeste: (69±1)% Bông: (13±1)% Visco: (18±1)% + Khối lượng (g/m ²): 139±4 + Mật độ (sợi/10cm):

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Dọc: 290±4 Ngang: 279±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 57±4 Ngang: 42±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,5±0,1 Ngang: -0,5±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện
6	Quần tây cho Khối hành chính	I. Quy cách may: - May theo số đo từng người. - May theo Điều 11 thông tư 45/2015/TT-BYT: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. II. Yêu cầu kỹ thuật: 1. Chất liệu: Vải Tuytsi chun 2. Màu sắc: Màu xanh tím than 3. Tiêu chuẩn vải: + Thành phần: Polyeste: (70±1)% Visco: (29±1)% Spandex: (1±1)% + Khối lượng (g/m ²): 279±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 426±4 Ngang: 284±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 46±4 Ngang: 31±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,5±0,1 Ngang: 0±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện
7	Chân váy cho Khối	I. Quy cách may: - May theo số đo từng người.

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
	hành chính	<p>- May theo Điều 11 thông tư 45/2015/TT-BYT: Chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối.</p> <p>II. Yêu cầu kỹ thuật:</p> <p>1. Chất liệu: Vải Tuytsi chun</p> <p>2. Màu sắc: Màu xanh tím than</p> <p>3. Tiêu chuẩn vải:</p> <p>+ Thành phần:</p> <p>Polyeste: (70±1)%</p> <p>Visco: (29±1)%</p> <p>Spandex: (1±1)%</p> <p>+ Khối lượng (g/m²): 279±4</p> <p>+ Mật độ (sợi/10cm):</p> <p>Dọc: 426±4</p> <p>Ngang: 284±4</p> <p>+ Độ bền xé rách (N):</p> <p>Dọc: 46±4</p> <p>Ngang: 31±4</p> <p>+ Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%):</p> <p>Dọc: -1,5±0,1</p> <p>Ngang: 0±0,1</p> <p>+ Độ bền màu giặt (cấp): 4-5</p> <p>+ Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện</p>
8	Áo sơ mi cho Kế toán viên	<p>I. Quy cách may:</p> <p>- May theo số đo từng người.</p> <p>- In logo của Bệnh viện:</p> <p>+ Logo tròn, đường kính 3,5cm</p> <p>+ Vị trí:</p> <p>▪ Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi.</p> <p>▪ Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái.</p> <p>- May theo Điều 11 thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế: Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay.</p> <p>II. Yêu cầu kỹ thuật:</p> <p>1. Chất liệu: Vải Bamboo</p> <p>2. Màu sắc: Màu trắng</p>

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<p>3. Tiêu chuẩn vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thành phần Polyeste: (69±1)% Bông: (13±1)% Visco: (18±1)% + Khối lượng (g/m²): 139±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 290±4 Ngang: 279±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 57±4 Ngang: 42±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,5±0,1 Ngang: -0,5±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện
9	Quần tây cho Kế toán viên	<p>I. Quy cách may:</p> <ul style="list-style-type: none"> - May theo số đo từng người. - May theo Điều 11 thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. <p>II. Yêu cầu kỹ thuật:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu: Vải Tuytsi chun 2. Màu sắc: Màu xanh tím than <p>3. Tiêu chuẩn vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thành phần: Polyeste: (70±1)% Visco: (29±1)% Spandex: (1±1)% + Khối lượng (g/m²): 279±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 426±4 Ngang: 284±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 46±4

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Ngang: 31±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,5±0,1 Ngang: 0±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện
10	Chân váy cho Kế toán viên	I. Quy cách may: - May theo số đo từng người. - May theo Điều 11 thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế: Chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối. II. Yêu cầu kỹ thuật: 1. Chất liệu: Vải Tuytsi chun 2. Màu sắc: Màu xanh tím than 3. Tiêu chuẩn vải: + Thành phần: Polyeste: (70±1)% Visco: (29±1)% Spandex: (1±1)% + Khối lượng (g/m ²): 279±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 426±4 Ngang: 284±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 46±4 Ngang: 31±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,5±0,1 Ngang: 0±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện
11	Áo vest cho Kế toán viên	I. Quy cách may: - May theo số đo từng người. - In logo của Bệnh viện: + Logo tròn, đường kính 3,5cm + Vị trí:

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> ▪Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi. ▪Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái. - May theo Điều 11 thông tư 45/2015/TT-BYT: Cổ 2 ve, phía trước có 2 túi, có thể thêm túi ngực, phía sau có xẻ, có khuy cài biên tên trên ngực trái. <p>II. Yêu cầu kỹ thuật:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu: Vải Tuytsi chun 2. Màu sắc: Màu xanh tím than 3. Tiêu chuẩn vải: <ul style="list-style-type: none"> + Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> Polyeste: (70±1)% Visco: (29±1)% Spandex: (1±1)% + Khối lượng (g/m²): 279±4 + Mật độ (sợi/10cm): <ul style="list-style-type: none"> Dọc: 426±4 Ngang: 284±4 + Độ bền xé rách (N): <ul style="list-style-type: none"> Dọc: 46±4 Ngang: 31±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): <ul style="list-style-type: none"> Dọc: -1,5±0,1 Ngang: 0±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện
12	Bộ áo quần cho Lái xe	<p>I. Quy cách may:</p> <ul style="list-style-type: none"> - May theo số đo từng người. - In logo của Bệnh viện: <ul style="list-style-type: none"> + Logo tròn, đường kính 3,5cm + Vị trí: <ul style="list-style-type: none"> ▪Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi. ▪Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái. - May theo Điều 11 thông tư 45/2015/TT-BYT: <ul style="list-style-type: none"> + Áo sơ mi cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay.

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<p>+ Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau - 01 bộ bao gồm: Áo sơ mi, quần tây.</p> <p>II. Yêu cầu kỹ thuật:</p> <p>1. Áo sơ mi:</p> <p>1.1. Chất liệu: Vải Bamboo 1.2. Màu sắc: Màu trắng 1.3. Tiêu chuẩn vải:</p> <p>+ Thành phần Polyeste: (69±1)% Bông: (13±1)% Visco: (18±1)%</p> <p>+ Khối lượng (g/m²): 139±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 290±4 Ngang: 279±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 57±4 Ngang: 42±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,5±0,1 Ngang: -0,5±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện</p> <p>2. Quần tây:</p> <p>2.1. Chất liệu: Vải Tuytsi chun 2.2. Màu sắc: Màu xanh tím than 2.3. Tiêu chuẩn vải:</p> <p>+ Thành phần: Polyeste: (70±1)% Visco: (29±1)% Spandex: (1±1)%</p> <p>+ Khối lượng (g/m²): 279±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 426±4 Ngang: 284±4 + Độ bền xé rách (N):</p>

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Dọc: 46±4 Ngang: 31±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,5±0,1 Ngang: 0±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện
13	Áo sơ mi cho Nhân viên tiếp đón	I. Quy cách may: - May theo số đo từng người. - In logo của Bệnh viện: + Logo tròn, đường kính 3,5cm + Vị trí: ▪ Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi. ▪ Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái. - May theo Điều 11 thông tư 45/2015/TT-BYT: Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. II. Yêu cầu kỹ thuật: 1. Chất liệu: Vải Bamboo 2. Màu sắc: Màu xanh dương 3. Tiêu chuẩn vải: + Thành phần: Polyeste: (80±1)% Visco: (15±1)% Spandex: (5±1)% + Khối lượng (g/m ²): 257±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 488±4 Ngang: 360±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 38±4 Ngang: 78±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: 0±0,1 Ngang: 0±0,1

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		+ Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện
14	Quần tây cho Nhân viên tiếp đón	I. Quy cách may: - May theo số đo từng người. - May theo Điều 11 thông tư 45/2015/TT-BYT: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. II. Yêu cầu kỹ thuật: 1. Chất liệu: Vải Tuytsi chun 2 Màu sắc: Màu xanh tím than 3. Tiêu chuẩn vải: + Thành phần: Polyeste: (82±1)% Visco: (12±1)% Spandex: (6±1)% + Khối lượng (g/m ²): 224±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 472±4 Ngang: 344±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 35±4 Ngang: 52±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,1 Ngang: -0,5±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 2-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện
15	Chân váy cho Nhân viên tiếp đón	I. Quy cách may: - May theo số đo từng người. - May theo Điều 11 thông tư 45/2015/TT-BYT: Chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối. II. Yêu cầu kỹ thuật: 1. Chất liệu: Vải Tuytsi chun 2 Màu sắc: Màu xanh tím than 3. Tiêu chuẩn vải: + Thành phần: Polyeste: (82±1)%

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Visco: (12±1)% Spandex: (6±1)% + Khối lượng (g/m ²): 224±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 472±4 Ngang: 344±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 35±4 Ngang: 52±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,1 Ngang: -0,5±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 2-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện
16	Áo vest cho Nhân viên tiếp đón	I. Quy cách may: - May theo số đo từng người. - In logo của Bệnh viện: + Logo tròn, đường kính 3,5cm + Vị trí: ▪ Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi. ▪ Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái. - May theo Điều 11 thông tư 45/2015/TT-BYT: Cổ 2 ve, phía trước có 2 túi, có thể thêm túi ngực, phía sau có xẻ, có khuy cài biển tên trên ngực trái. II. Yêu cầu kỹ thuật: 1. Chất liệu: Vải Tuytsi chun 2. Màu sắc: Màu xanh tím than 3. Tiêu chuẩn vải: + Thành phần: Polyeste: (82±1)% Visco: (12±1)% Spandex: (6±1)% + Khối lượng (g/m ²): 224±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 472±4

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<p>Ngang: 344±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 35±4 Ngang: 52±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,1 Ngang: -0,5±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 2-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện.</p>
17	Áo dài cho Lễ tân	<p>I. Quy cách may: - May theo số đo từng người. - In logo của Bệnh viện: + Logo tròn, đường kính 3,5cm + Vị trí: ▪ Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi. ▪ Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái. - May theo Điều 11 thông tư 45/2015/TT-BYT: Áo dài: May theo kiểu áo dài truyền thống, không cách điệu. Cổ áo cao 3 cm, đầu bầu tròn. Dài áo cách lai quần 10 cm. Dài tay áo qua mắt cá tay 2 cm. Cổ tay áo loe nhẹ từ 13cm đến 15cm. Eo áo vừa đúng lưng quần. Quần lưng thường (Không may lưng ngắn, xệ). Ống quần từ 28cm đến 30 cm. - 01 bộ bao gồm: Áo dài, quần.</p> <p>II. Yêu cầu kỹ thuật: 1. Chất liệu: Vải lụa 2. Màu sắc: Màu xanh dương 3. Tiêu chuẩn vải: + Thành phần: Polyeste: 100% + Khối lượng (g/m²): 148±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 768±4 Ngang: 463±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 39±4</p>

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Ngang: 30 ± 4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: $-0,5 \pm 0,1$ Ngang: $0 \pm 0,1$ + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện
18	Bộ nhân viên nữ cho Khoa Dinh dưỡng	I. Quy cách may: - May theo số đo từng người. - In logo của Bệnh viện: + Logo tròn, đường kính 3,5cm + Vị trí: ▪ Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi. ▪ Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái. - May theo Điều 9 thông tư 45/2015/TT-BYT: + Áo cổ chữ U, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. + Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - 01 bộ bao gồm: Áo, quần. II. Yêu cầu kỹ thuật: 1. Chất liệu: Vải Kate 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Tiêu chuẩn vải: + Thành phần: Polyeste: $(69 \pm 1)\%$ Bông: $(12 \pm 1)\%$ Visco: $(19 \pm 1)\%$ + Khối lượng (g/m ²): 138 ± 4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 290 ± 4 Ngang: 283 ± 4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 55 ± 4 Ngang: 41 ± 4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%):

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Dọc: $-1,0 \pm 0,1$ Ngang: $-0,5 \pm 0,1$ + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện.
19	Bộ nhân viên nam cho Khoa Dinh dưỡng	<p>I. Quy cách may:</p> <ul style="list-style-type: none"> - May theo số đo từng người. - In logo của Bệnh viện: + Logo tròn, đường kính 3,5cm + Vị trí: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi. ▪ Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái. - May theo Điều 9 thông tư 45/2015/TT-BYT: + Áo cổ chữ U, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. + Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - 01 bộ bao gồm: Áo, quần. <p>II. Yêu cầu kỹ thuật:</p> <p>1. Áo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Chất liệu: Vải Tici 1.2. Màu sắc: Màu trắng 1.3. Tiêu chuẩn vải: <ul style="list-style-type: none"> + Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> Polyeste: $(87 \pm 1)\%$ Bông: $(13 \pm 1)\%$ + Khối lượng (g/m²): 175 ± 4 + Mật độ (sợi/10cm): <ul style="list-style-type: none"> Dọc: 277 ± 4 Ngang: 245 ± 4 + Độ bền xé rách (N): <ul style="list-style-type: none"> Dọc: 40 ± 4 Ngang: 16 ± 4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): <ul style="list-style-type: none"> Dọc: $0 \pm 0,1$ Ngang: $-0,5 \pm 0,1$

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		+ Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện 2. Quần: 2.1. Chất liệu: Vải Kaki chun 2.2. Màu sắc: Màu đen. 2.3. Tiêu chuẩn vải: + Thành phần: Polyeste: (91±1)% Spandex: (9±1)% + Khối lượng (g/m ²): 281±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 910±4 Ngang: 382±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 31±4 Ngang: 37±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -0,5±0,1 Ngang: 0±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 2-5 + Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg): Không phát hiện
20	Tạp dề nhân viên cho Khoa Dinh dưỡng	I. Quy cách may: - May theo số đo từng người. - In logo của Bệnh viện: + Logo tròn, đường kính 3,5cm + Vị trí: ▪Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi. ▪Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái. - May theo Điều 9 thông tư 45/2015/TT-BYT: Tạp dề không cổ, có hai dây đai, chiều dài ngang gối, phía sau buộc dây. II. Yêu cầu kỹ thuật: 1. Chất liệu:Vải bamboo 2. Màu sắc: Màu xanh dương 3. Tiêu chuẩn vải: + Thành phần:

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Polyeste: (80±1)% Visco: (15±1)% Spandex: (5±1)% + Khối lượng (g/m ²): 257±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 488±4 Ngang: 360±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 38±4 Ngang: 78±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: 0±0,1 Ngang: 0±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 3-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện
21	Bộ bảo vệ	I. Quy cách may: - May theo số đo từng người. - In logo của Bệnh viện: + Logo tròn, đường kính 3,5cm + Vị trí: ▪ Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi. ▪ Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái. - May theo Điều 6, Điều 11 và Điều 12 thông tư 08/2016/TT-BCA ngày 16/02/2016 của Bộ Công an quy định cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp: + Áo kiểu cổ đứng. Thân trước ngực may hai túi ộp ngoài, bị túi may đố, nắp túi vát nhọn. Nẹp bong một hàng sáu chiếc cúc nhựa cùng màu vải, may bật vai đeo cấp hiệu. Thân sau cầu vai rời xếp hai ly. Tay ngắn cửa tay may lật ra ngoài. Tay dài có măng séc cài cúc, may thép tay, cửa tay mỗi bên xếp hai ly lật về phía thép tay. Gấu áo bằng. + Quần kiểu cạp rời, hai túi sườn chéo. Thân trước mỗi bên xếp một ly lật về phía dọc quần, cửa quần may khóa kéo. Thân sau mỗi bên may một chiết và bỏ một túi viền. Cạp may sáu đĩa, đầu cạp may quai nhê có cài cúc. Gấu quần

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<p>bằng.</p> <p>+ Nền cấp hiệu màu xanh lam, viền xung quanh màu vàng sẫm. Hình lá chắn ở giữa cấp hiệu màu xanh dương; viền lá chắn, hai bông lúa, ngôi sao màu vàng. Cúc cấp hiệu màu trắng bạc. Vạch ngang phân cấp màu vàng tươi.</p> <p>- 01 bộ bao gồm: Áo, quần, Mũ mềm, phù hiệu</p> <p>II. Yêu cầu kỹ thuật:</p> <p>1. Áo:</p> <p>1.1. Chất liệu: Vải kate</p> <p>1.2. Màu sắc: Màu cỏ úa nhạt</p> <p>1.3. Tiêu chuẩn vải:</p> <p>+ Thành phần:</p> <p>Polyeste: (63±1)%</p> <p>Visco: (37±1)%</p> <p>+ Khối lượng (g/m²): 207±4</p> <p>+ Mật độ sợi (sợi/10cm):</p> <p>Dọc: 232±4</p> <p>Ngang: 216±4</p> <p>+ Độ bền xé rách (N):</p> <p>Dọc: 61±4</p> <p>Ngang: 57±4</p> <p>+ Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô:</p> <p>Dọc: -0,5±0,1</p> <p>Ngang: -0,5±0,1</p> <p>+ Độ bền màu giặt (cấp): 4-5</p> <p>+ Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện</p> <p>2. Quần:</p> <p>2.1. Chất liệu: Vải kate</p> <p>2.2. Màu sắc: Màu cỏ úa đậm</p> <p>2.3. Tiêu chuẩn vải:</p> <p>+ Thành phần:</p> <p>Polyeste: (65±1)%</p> <p>Visco: (35±1)%</p> <p>+ Khối lượng (g/m²): 266±4</p> <p>+ Mật độ sợi (sợi/10cm):</p> <p>Dọc: 352±4</p>

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<p>Ngang: 207±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 82±4 Ngang: 67±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô: Dọc: -2,0±0,1 Ngang: -1,0±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện</p> <p>3. Phân biệt cầu vai: Phụ trách bảo vệ: 03 vạch nhân viên bảo vệ ≥ 5 năm: 02 vạch nhân viên bảo vệ < 5 năm: 01 vạch</p>
22	Bộ nhân viên kỹ thuật	<p>I. Quy cách may: - May theo số đo từng người. - In logo của Bệnh viện: + Logo tròn, đường kính 3,5cm + Vị trí: ▪ Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi. ▪ Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái. - May theo Điều 13 thông tư 45/2015/TT-BYT: + Áo kiểu bu đông, cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. + Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. - 01 bộ bao gồm: Áo, quần.</p> <p>II. Yêu cầu kỹ thuật: 1. Chất liệu: Vải Kaki chun 2. Màu sắc: Màu xanh đen 3. Tiêu chuẩn vải: + Thành phần: Polyeste: (67±1)% Visco: (31±1)% Spandex: (2±1)% + Khối lượng (g/m²): 153±4</p>

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		+ Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 560±4 Ngang: 345±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 39±4 Ngang: 31±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,1 Ngang: -0,5±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện
23	Bộ nhân viên hộ lý, y công, nhân viên nhà xác	I. Quy cách may: - May theo số đo từng người. - In logo của Bệnh viện: + Logo tròn, đường kính 3,5cm + Vị trí: ▪ Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi. ▪ Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái. - May theo thông tư 45/2015/TT-BYT: + Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. + Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - 01 bộ gồm: Áo, quần. II. Yêu cầu kỹ thuật: 1. Chất liệu: Vải Bamboo 2. Màu sắc: Màu xanh hòa bình 3. Tiêu chuẩn vải: + Thành phần: Polyeste: (85±1)% Visco: (12±1)% Spandex: (3±1)% + Khối lượng (g/m ²): 149±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 564±4

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Ngang: 379±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 45±4 Ngang: 28±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: 0±0,1 Ngang: 0±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện
24	Bộ áo quần cho Chăm sóc sức khoẻ tại nhà	I. Quy cách may: - May theo số đo từng người. - In logo của Bệnh viện: + Logo tròn, đường kính 3,5cm + Vị trí: ▪ Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi. ▪ Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái. - May theo thông tư 45/2015/TT-BYT: + Áo sơ mi cổ đứng, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. + Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - 01 bộ bao gồm: Áo sơ mi, quần tây. II. Yêu cầu kỹ thuật: 1. Áo sơ mi: 1.1. Chất liệu: Vải Bamboo 1.2. Màu sắc: Màu xanh hòa bình 1.3. Tiêu chuẩn vải: + Thành phần: Polyeste: (85±1)% Visco: (12±1)% Spandex: (3±1)% + Khối lượng (g/m ²): 149±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 564±4 Ngang: 379±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 45±4

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<p>Ngang: 28±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: 0±0,1 Ngang: 0±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện</p> <p>2. Quần tây: 2.1. Chất liệu: Vải Tuytsi chun 2.2. Màu sắc: Màu xanh tím than 2.3. Tiêu chuẩn vải: + Thành phần: Polyeste: (82±1)% Visco: (12±1)% Spandex:(6±1)% + Khối lượng (g/m²): 224±4 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 472±4 Ngang: 344±4 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 35±4 Ngang: 52±4 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,1 Ngang: -0,5±0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 2-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện</p>

Ghi chú:

- Nhà thầu cung cấp bản scan bản gốc hoặc bản sao có công chứng/chứng thực kết quả kiểm nghiệm hoặc thử nghiệm chất liệu/ nguyên liệu vải của đơn vị được phép kinh doanh dịch vụ theo pháp luật, chứng minh tất cả hàng hóa dự thầu đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về thành phần và yêu cầu vải may: Chất liệu, màu sắc, tiêu chuẩn vải...

- Nhà thầu cung cấp Catalogue, tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương của hãng sản xuất hàng hóa có đầy đủ hình ảnh, đúng màu sắc của tất cả hàng hóa thể hiện đầy đủ quy cách, thông số kỹ thuật của hàng hóa dự

thầu đáp ứng quy định về yêu cầu kỹ thuật trang phục nhân viên y tế.

1.3 Yêu cầu khác

- Nhà thầu cung cấp nộp 01 mẫu vải/chủng loại và bản công chứng tài liệu kiểm nghiệm hoặc thử nghiệm do đơn vị có chức năng kiểm nghiệm được nhà nước cấp phép đính kèm theo danh mục hàng hóa với kích thước chiều dài ≥ 1 m, chiều rộng đủ khổ vải và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về thành phần và yêu cầu vải may. Mẫu vải được nộp trong vòng 05 ngày kể từ ngày đóng thầu và lưu tại đơn vị làm cơ sở đối chiếu trong suốt quá trình bàn giao hàng hóa khi đơn vị cung cấp trúng thầu.

- Nhà thầu cam kết cung cấp bản gốc Phiếu kết quả kiểm nghiệm vải của cơ quan, tổ chức có chức năng thí nghiệm để đối chiếu khi có yêu cầu.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ.

Trường hợp có bản vẽ thì phải đính kèm theo bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

* Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Địa điểm: Tại địa điểm bàn giao hàng hóa

- Kiểm tra, thử nghiệm sẽ được tiến hành khi hàng đến địa điểm bàn giao theo yêu cầu của E-HSMT.

- Chủ đầu tư sẽ trực tiếp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa với sự chứng kiến của nhà thầu:

+ Tỷ lệ kiểm tra: Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5% đến 10% số lượng sản phẩm trong lô hàng kiểm tra.

+ Kiểm tra ngoại quan: Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại Yêu cầu về ngoại quan.

+ Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật: Trải sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại “Yêu cầu về kỹ thuật”.

- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh hàng hóa không phù hợp. Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện

kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.